

Bản án số: 159/2024/HS-ST
Ngày 01-08-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Đỗ Trọng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 139/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 273/2024/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/11/1984, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn E, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đỗ Thị M; có vợ là Nguyễn Thị T2 và 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/11/2023, Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N1 nhận được thông tin Đỗ Văn N, sinh ngày 05/9/2001, trú tại: Thôn A, xã K, huyện T,

Hải Phòng xuất cảnh sang đảo J, Hàn Quốc nhưng bị phía Hàn Quốc từ chối nhập cảnh buộc quay trở lại Việt Nam. Do nghi ngờ Đỗ Văn N lợi dụng việc xuất cảnh sang Hàn Quốc để trốn ở lại lao động trái phép nên Công an cửa khẩu Cảng Hàng không quốc tế N1 đã chuyển hồ sơ tới Cơ quan An ninh điều tra, Công an thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn N khai việc N xuất cảnh sang Hàn Quốc để trốn ở lại lao động là do Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú tại thôn E, xã K, huyện T, Hải Phòng hỏi về việc xuất cảnh sang Hàn Quốc lo thủ tục cho N với chi phí là 200.000.000 đồng.

Cơ quan An ninh điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T thu được 01 giấy có chữ ký của N do T viết tay có nội dung N cam kết với T không trốn ở lại Hàn Quốc.

Quá trình điều tra xác định được: Đỗ Văn N là cháu họ của Nguyễn Văn T. Do biết T có em gái là Nguyễn Thị H đang sinh sống tại đảo J - Hàn Quốc nên N đặt vấn đề nhờ T tìm cách đưa N sang Hàn Quốc để lao động kiếm tiền. T liên hệ với H hỏi nếu N sang Hàn Quốc thì H có đón ở sân bay được không, H đồng ý. Sau đó, T gặp N và hỏi N có những bằng cấp gì, do N chỉ có bằng tốt nghiệp PTTH nên T nói với N đi bằng con đường xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc thì khó, chỉ có cách đi theo con đường du lịch tự túc sang đảo J vì không phải xin cấp thị thực rồi trốn ở lại lao động. N đồng ý. Cuối tháng 10/2023, T yêu cầu N mang hộ chiếu, căn cước công dân và giấy khai sinh của N đến nhà T. Tại đây, T và N thống nhất chi phí để đi sang đảo J là 200 triệu đồng, đặt cọc trước 50 triệu đồng, số tiền còn lại người nhà N sẽ chuyển cho T khi N nhập cảnh được vào Hàn Quốc, vé máy bay N tự lo. S đến nơi, T sẽ nhờ H đón ở sân bay, lo ăn nghỉ rồi hỗ trợ tìm việc cho. T cho N số điện thoại của H và dặn N nếu có liên lạc với H thì chỉ nhờ H đón, lo ăn nghỉ một vài ngày đầu, không được nói mục đích sẽ trốn ở lại. N đồng ý. Sau đó, T chụp ảnh hộ chiếu, căn cước công dân, giấy khai sinh của N và gửi cho H để nhờ H đặt vé máy bay, phòng khách sạn tại Hàn Quốc. Sau khi được H thông báo tiền vé máy bay là 17 triệu đồng, T thông báo cho N và N đã chuyển khoản trả số tiền trên vào tài khoản số 2116205058230 tại ngân hàng N2 của Nguyễn Văn T vào ngày 28/10/2023. Khoảng một tuần sau, T nhận được hình ảnh vé máy bay, thông tin đặt phòng khách sạn tại Hàn Quốc từ H qua Z và gửi lại cho N.

Ngày 13/11/2023, trước khi lên máy bay, N chuyển 50 triệu đồng vào tài khoản trên của T. T dặn N mang ít đồ đạc để tránh bị nghi ngờ, nếu bị cơ quan chức năng hỏi thì trả lời là đi du lịch, đồng thời xuất trình thông tin đặt phòng khách sạn tại Hàn Quốc để đối phó. Tuy nhiên, khi đến Jeju, Nam bị từ chối nhập cảnh, phải quay trở lại Việt Nam. Sau khi N về nước, T đã chuyển trả số tiền 50 triệu đồng cho N qua tài khoản của em trai N là Đỗ Văn L. Đồng thời T yêu cầu N

ký giấy cam kết do T viết tay để đối phó với cơ quan công an khi bị triệu tập làm việc.

Quá trình điều tra, Đỗ Văn N giao nộp 01 hộ chiếu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo không có sim của N; 01 file âm thanh, ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa N và một người đàn ông, nội dung về việc N hỏi người này cách khai báo khi N bị Phòng PA08 – Công an thành phố H mời làm việc. Người đàn ông bảo N không được khai mục đích sang Hàn Quốc nhằm trốn ở lại lao động, mà chỉ khai sang Hàn Quốc du lịch. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định, kết quả giọng nói của người đàn ông trong file ghi âm và giọng nói của bị can Nguyễn Văn T là của cùng một người. Trưng cầu giám định khôi phục dữ liệu điện thoại di động của N, kết quả không phát hiện thông tin, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ nội dung trên.

Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 866251065766133; IMEI 2: 866251065766125, không có thẻ sim và 01 Hộ chiếu số P0106527 mang tên Đỗ Văn N chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Tại bản Cáo trạng số 147/CT-VKS-P1 ngày 25/06/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ lời khai nhận của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 đến 24 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 866251065766133; IMEI 2: 866251065766125, không có thẻ sim và 01 Hộ chiếu số P0106527 mang tên Đỗ Văn N trả lại cho N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 10/2023 đến ngày 13/11/2023, Nguyễn Văn T có hành vi tổ chức cho Đỗ Văn N trốn sang đảo J - Hàn Quốc bằng con đường du lịch nhằm mục đích ở lại nước ngoài lao động bất hợp pháp (mua vé máy bay, bố trí người đón...), khi N vừa nhập cảnh tại sân bay J thì bị lực lượng chức năng phát hiện nên yêu cầu N quay trở lại Việt Nam. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh, cư trú của N3. Vì vậy, cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, tại địa phương bị cáo cũng tích cực tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về hình phạt*: Khi quyết định hình phạt cần căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đề nghị. Tuy nhiên, xét bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi ở ổn định, bản thân lại là lao động chính trong gia đình nên không cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội

cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Về hình phạt bổ sung, bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 866251065766133; IMEI 2: 866251065766125, không có thẻ sim và 01 Hộ chiếu số P0106527 mang tên Đỗ Văn N là tài sản cá nhân và giấy tờ tùy thân của N nên cần trả lại.

[8] Trong vụ án này, đối với Nguyễn Thị H là người đặt vé máy bay cho Đỗ Văn N, do N và T đều khai nhận không nói với H mục đích của N sang Hàn Quốc để trốn ở lại lao động trái phép, hiện H đang sống ở Hàn Quốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không có cơ sở để điều tra, xử lý. Đối với Đỗ Văn N có hành vi xuất cảnh ra nước ngoài nhằm mục đích ở lại nước ngoài trái phép, tuy nhiên do N xuất cảnh bằng hình thức du lịch và chưa được nhập cảnh vào Hàn Quốc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với N.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám, sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu người được án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Phạt tiền bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho Đỗ Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, IMEI 1: 866251065766133; IMEI 2: 866251065766125, không có thẻ sim và 01 Hộ chiếu số P0106527 mang tên Đỗ Văn N

Tình trạng, đặc điểm các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung

